

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG VÀ GIÁO DỤC VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CHO SINH VIÊN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trần Thị Tùng Lâm

Khoa Mác - Lênin

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

1. VĂN HOÁ VÀ VĂN HOÁ HỌC ĐƯỜNG

1.1. Khái niệm “Văn hóa”

Chưa bao giờ vấn đề văn hóa lại giành được sự quan tâm như hiện nay cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Điều này càng chứng tỏ vai trò quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội.

Theo quan điểm của C. Mác, văn hóa gắn liền với sức sáng tạo và năng lực của con người. Sự sáng tạo đó bao giờ cũng bắt đầu từ lao động. Lao động sáng tạo ra con người và xã hội loài người, làm cho con người ngày càng trở thành thật sự người. Chính trong quá trình lao động văn hóa đó in dấu ấn của mình và thấm thấu trong từng yếu tố của lao động. Vì vậy, văn hóa là lực lượng sản xuất tinh thần sáng tạo, chính là sự phát triển những năng lực bản chất của con người.

Bàn về văn hóa V.I. Lênin cho rằng văn hóa là tổng thể các dạng hoạt động sáng tạo của con người và tất cả giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử của chính mình. Theo đó, có thể hiểu văn hóa là “thiên nhiên thứ hai” được “nhân hóa” qua thực tiễn của con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng diễn đạt giản dị mà chính xác về văn hóa, trong tác phẩm Nhật ký trong tù: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, giáo dục, văn học, nghệ thuật - những công cụ hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp các phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu của đời sống và sự đòi hỏi của sinh tồn” [1, tr.431]. Hiện nay, có trên 400 định nghĩa khác nhau về văn hóa, điều đó nói lên tính phong phú, đa diện trong cách tiếp cận khái niệm văn hóa.

Tổng giám đốc UNESCO Federico Mayor cho rằng: Văn hóa là tổng số sống động các hoạt động sáng tạo trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã tạo hình thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống và thị hiếu những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc [2, tr.20].

Tổng hợp các định nghĩa trên, cho thấy định nghĩa văn hóa thể hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, văn hóa là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra (khác với thế giới tự nhiên).

Thứ hai, văn hóa là hoạt động của con người, yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển của văn hóa.

Thứ ba, văn hóa là sự thể hiện trình độ phát triển và đặc tính riêng của mỗi cộng đồng người, mỗi dân tộc.

Như vậy, văn hóa là sản phẩm của hoạt động người, là kết quả sáng tạo ra của nhiều thế hệ nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần không ngừng tăng lên của con người. Nói đến văn hóa không thể không nói đến các giá trị văn hóa và hoạt động sáng tạo ra những giá trị đó. Khi tạo ra thế giới văn hóa, con người không chỉ làm biến đổi những điều kiện khách quan, mà còn làm biến đổi chính bản thân con người, phát triển những năng lực tiềm tàng trong bản thân mình. Không chỉ có vậy, con người còn có khả năng tự đánh giá trình độ phát triển của bản thân mình thông qua các sản phẩm do chính mình tạo ra. Bởi vì trong quá trình hoạt động con người đã đối tượng hóa bản thân mình vào các giá trị ấy. Mỗi giá trị văn hóa đều hàm chứa trong bản thân nó năng lực trí tuệ, tinh thần, cảm xúc... những lực lượng vật chất nhất định.

Văn hóa được sáng tạo và lưu truyền trong cộng đồng người nhất định, những đặc tính của cộng đồng, của mỗi dân tộc vì lẽ đó bao giờ cũng in dấu ấn trên các

sáng tạo văn hóa. Văn hoá không chỉ thể hiện trình độ phát triển mà còn khẳng định những đặc thù riêng của mỗi cộng đồng người, mỗi một tổ chức, mỗi một dân tộc.

Như vậy, xét đến cùng bản chất của văn hóa là sự phát triển của bản thân con người với tư cách là con người xã hội - sự phát triển những năng lực sáng tạo, những nhu cầu những hình thức giao tiếp... trong quá trình thực tiễn khám phá tự nhiên, cải tạo xã hội và tự hoàn thiện bản thân con người. Văn hóa là sự tồn tại dưới dạng khác của con người, thể hiện sức mạnh bản chất của con người.

1.2. Văn hóa học đường (VHHĐ)

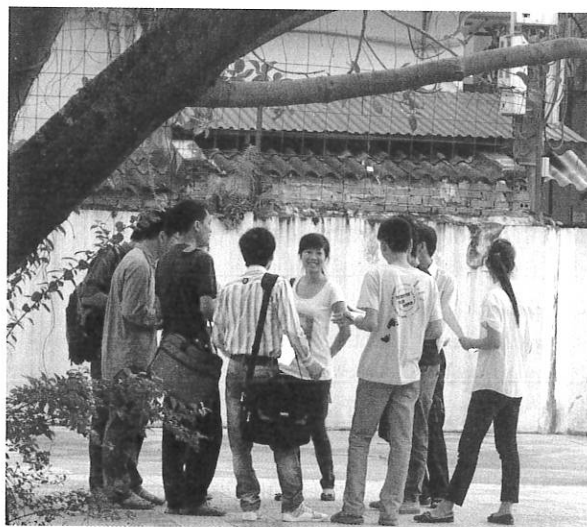
Mỗi một hình thức cộng đồng người, cộng đồng xã hội có một mô thức văn hóa riêng. Trường đại học là một thiết chế xã hội vì vậy việc hình thành văn hóa học đường để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo bậc đại học là một tất yếu.

Những quan niệm trình bày ở trên, cho thấy văn hóa học đường là một bộ phận của văn hóa vì: theo cách triết tự từ Hán Việt thì văn hóa là quá trình giáo dục để trở thành những giá trị hướng đến cái chân thiện mỹ của con người, trong đó nhà trường là một bộ phận quan trọng. Vận dụng vào trường hợp này, văn hóa học đường là một bộ phận của văn hóa, do vậy nó cũng bao gồm cả ba thành tố nhận thức, tổ chức và ứng xử giữa con người với con người và được biểu hiện ra trong quan hệ giữa các thành viên trong trường học (thầy - trò - cán bộ công nhân viên).

Như vậy, văn hóa học đường là sản phẩm văn hóa tinh thần của xã hội, của tập thể người trong mỗi trường học và được biểu hiện thông qua nhận thức, thái độ hành vi có văn hóa của cá nhân, tổ chức bộ máy hoạt động của nhà trường. Kế thừa quan điểm của các nhà nghiên cứu về văn hóa, trên cơ sở nghiên cứu về VHHĐ, có thể diễn đạt nó như sau:

Văn hóa học đường là hệ thống những giá trị được hình thành trong quá trình hoạt động của các thành viên trong nhà trường. Những giá trị đó có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách của các thành viên, phù hợp với mục đích giáo dục của đất nước.

Văn hóa học đường có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống văn hóa xã hội, trong hoạt động giáo dục nhà trường bởi vì nó tham gia trực tiếp vào quá trình hình thành nhân cách sinh viên. Để đáp ứng yêu cầu của quá trình CNH, HĐH đất nước, trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào thế giới như



hiện nay thì chất lượng nguồn lực lao động đòi hỏi ngày càng cao hơn trước, do đó VHHĐ trong các trường đại học trở thành một trong những vấn đề thời sự được xã hội quan tâm.

2. XÂY DỰNG VÀ GIÁO DỤC VHHĐ CHO SV TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Ở Việt Nam, sinh viên (SV) là một bộ phận thanh niên đã được tuyển chọn qua các kỳ thi quốc gia và được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng. Sinh viên là lớp người đang trưởng thành, đang chuẩn bị hành trang nghề nghiệp cần thiết và chín muồi về nhân cách. Là một bộ phận dân cư tuổi đời chủ yếu khoảng từ 18 - 25, sinh viên được xã hội đào tạo theo hệ thống cơ bản để trở thành những nhà quản lý xã hội, lực lượng sản xuất hiện đại và quan trọng trong tương lai. SV là một nhóm xã hội được hình thành bởi đặc điểm lứa tuổi và trình độ học vấn. Đó là một nhóm xã hội đặc thù. Nhóm này rất năng động, có mục đích hoạt động, được tổ chức theo chương trình nhất định để thực hiện vai trò xã hội chuyên môn cao trong lĩnh vực sản xuất vật chất và tinh thần.

Sinh viên là dự nguồn nhân lực quan trọng, là dự nguồn chủ yếu cho trí thức tương lai. Vì vậy, họ mang trong mình những đặc điểm của tầng lớp trí thức như có khả năng lĩnh hội và sáng tạo tri thức khoa học - kỹ thuật - công nghệ, khả năng nhạy cảm với những vấn đề chính trị - xã hội. Họ có thể trở thành lực lượng xung kích của một giai cấp này hay một giai cấp khác. Họ là nhóm xã hội dễ tiếp thu tư tưởng mới (kể cả tích cực lẫn tiêu cực). SV chưa có một "vị trí thực" trong cơ cấu nghề nghiệp và chưa có vị trí thực trong xã hội. Họ chưa có một nghề nghiệp ổn định, chưa có một vị trí riêng của

minh trong quá trình sản xuất của nền sản xuất xã hội. Hoạt động chủ yếu nhất của họ là hoạt động học tập và bước đầu tham gia nghiên cứu khoa học, nắm vững một lĩnh vực tri thức, kỹ năng nghề nghiệp nhất định để sau này trở thành chuyên gia của nghề nghiệp đó. Như vậy, SV có vị trí "kép" trong xã hội. Một mặt, họ là những cá nhân đang dần hoàn thiện nhân cách, để trở thành lực lượng sản xuất hiện đại, người chủ tương lai của đất nước. Mặt khác, họ là dự nguồn cơ bản để bổ sung vào đội ngũ trí thức, nguồn nhân lực chất lượng cao đất nước trong tương lai. Họ chính là nguồn nhân lực khoa học đầy tiềm năng sáng tạo và ứng dụng khoa học - công nghệ vào xây dựng thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ GIÁO DỤC VHHD CHO SINH VIÊN

Văn hóa học đường được hình thành trong quá trình hoạt động của các thành viên trong nhà trường và mối quan hệ giữa các thành viên: quan hệ giữa lãnh đạo nhà trường với giáo viên và SV; quan hệ giữa thầy với thầy; quan hệ giữa thầy với trò và quan hệ giữa thầy, trò với cán bộ công nhân viên (CBCNV) nhà trường và ngược lại. Là một bộ phận của văn hóa, VHHD cũng gồm ba thành tố cơ bản:

- *Thứ nhất*, nâng cao văn hóa nhận thức cho SV: VHHD xét cho cùng nó cũng chính là sản phẩm hoạt động chung được đúc rút từ hoạt động của các thành viên trong nhà trường. Trong quá trình thực hiện mục đích đào tạo, các thành viên đều nhận thấy sự cần thiết phải có các chuẩn mực, các quy định hành để tạo ra sự thống nhất trong quá hoạt động. Muốn vậy các thành viên trong nhà trường phải nhận thức nội dung đó để có những hành vi phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

- *Thứ hai*, xây dựng văn hóa tổ chức trong nhà trường: Từ những quy định chung các thành viên không chỉ nhận biết nó mà còn hiện thực hóa chúng bằng những hành động cụ thể như:

+ Lãnh đạo nhà trường phải biết tổ chức, điều hành hoạt động giảng dạy, học tập vui chơi của giáo viên, SV và hoạt động của các phòng ban một cách khoa học, có hiệu quả. Quan hệ giữa lãnh đạo nhà trường với các thành viên khác phải được thực hiện trong không khí dân chủ, đồng thuận. Đây là điều kiện quan trọng, môi trường phát huy có hiệu quả nhất mọi năng lực của nhà trường vào việc thực hiện mục tiêu đào tạo của mình.

+ Giáo viên phải biết tổ chức hoạt động giảng dạy,

hoạt động giáo dục một cách khoa học, hợp lý, đáp ứng tối đa mục tiêu đào tạo của nhà trường.

+ Sinh viên phải có phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp và phải biết tổ chức cuộc sống một cách khoa học, hiệu quả

+ CBCNV các phòng ban chức năng dưới sự lãnh đạo của nhà trường phải phối hợp nhịp nhàng tạo ra sự thống nhất trong quản lý, phục vụ tốt nhất hoạt động của nhà trường.

- *Thứ ba*, xây dựng văn hóa, quan hệ ứng xử trong nhà trường: Trước hết cần xây dựng trong quan hệ với môi trường tự nhiên: các thành viên trong nhà trường phải hình thành thói quen giữ gìn và bảo vệ cảnh quan tự nhiên của nhà trường. Có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo vệ của công (trang thiết bị trường học), có ý thức tiết kiệm trong sử dụng trang thiết bị phục vụ giảng dạy học tập (văn phòng phẩm, điện, nước). ví như: trong mối quan hệ xã hội ở nhà trường: quan hệ giữa các thành viên thực sự phải là quan hệ có văn hóa. Trước hết phải có sự tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên (lãnh đạo, giáo viên, SV và CBCNV), tiếp đó là sự đoàn kết, nhất trí trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo. Ngoài quan hệ mang tính chất hành chính bắt buộc đó còn phải là quan hệ tình người. Đó là biểu hiện đầu tiên của người có VHHD, là phải có nhận thức về nó. Đó chính là nhận thức, hiểu biết về những nội quy, quy chế, những quy định của tập thể, là những yêu cầu trong hoạt động giảng dạy, học tập và phục vụ của các thành viên trong nhà trường. Những nội quy, quy định của nhà trường đưa ra nhằm mục đích tạo ra sự thống nhất trong thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường. Một SV được gọi là có VHHD không thể không biết quy định, quy chế HSSV; cũng như họ không thể quay cóp, gian lận trong thi cử...; thầy có hành vi, lời nói xúc phạm nhân phẩm SV, thiếu gương mẫu trước SV, người đó không thể là người có VHHD; nhân viên phục vụ có thái độ, hành vi thô lỗ, coi thường người dạy, người học, gây khó khăn cho hoạt động của giáo viên và SV, đó không thể là người có VHHD. Đây là những điều kiện quan trọng trực tiếp góp phần hình thành, củng cố VHHD trong trường đại học.

Biểu hiện thứ hai của VHHD: là thực hiện VHHD, Người có VHHD không chỉ có hiểu biết về những nội quy, quy chế, quy định của lớp học, của nhà trường mà phải tin tưởng rằng không làm theo nội quy, quy chế, quy định của trường học thì họ không thể là người có VHHD, là lặt lõng, là thành viên kém cỏi của tập thể.

(xem tiếp trang 79)

Muốn vậy VHHD không chỉ có sự nhận thức của các thành viên mà nó phải có được sự chấp thuận và tự giác thực hiện của các thành viên, những nội quy, quy chế phải trở thành những chuẩn mực hoạt động.

Biểu hiện thứ ba của VHHD, những nội dung (giá trị) của VHHD không chỉ được nhận thức, tin tưởng là đúng đắn mà nó phải được ứng dụng vào các hoạt động thực tế của nhà trường, của các thành viên. Đối với nhà trường từ việc điều hành, sắp xếp nơi làm việc của các khoa đào tạo, các phòng chức năng một cách khoa học thuận tiện cho việc quản lý, phục vụ tốt hoạt động đào tạo của nhà trường; việc bố trí nơi ăn ở, học tập, vui chơi giải trí cho SV một cách khoa học, phù hợp với quy định chung và điều kiện thực tế cũng là VHHD. Đối với giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo, tổ chức tốt hoạt động giảng dạy, tổ chức hợp lý cuộc sống của bản thân. Đối với SV phải có thái độ tích cực trong học tập, rèn luyện. Nếu một SV ăn ở bừa bãi, mất vệ sinh, không biết tổ chức hợp lý, khoa học thì không thể gọi là SV có VHHD; hoặc một giáo viên lên lớp muộn, ăn mặc sộc xệch khi đứng lớp cũng không thể coi người giáo viên đó có VHHD; một nhân viên thư viện trong giờ làm việc nói chuyện riêng, gây khó khăn cho sinh viên mượn tài liệu học tập, hay cô văn thư có thái độ, lời nói không đúng mức khi hướng dẫn SV thực hiện các thủ tục hành chính đó là những biểu hiện thiếu VHHD.

Do vậy, chỉ khi xây dựng được môi trường VHHD lành mạnh sẽ động lực thực hiện tốt những mục tiêu nhà trường đề ra và hướng tới, mới tạo ra môi trường đào tạo thân thiện, phát huy được tính tự giác và sự say mê học tập, nghiên cứu khoa học của SV. Giáo dục VHHD cho sinh viên là một trong những biện pháp nhằm góp phần phát triển chất lượng nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày càng sâu, rộng với thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hồ chí Minh (1990), Về vấn đề giáo dục, Nxb Giáo dục, Hà nội
- [2]. Phạm Thái Việt và Đào Ngọc Tuấn (2004), Đại cương về văn hóa Việt Nam, Nxb Văn hóa - Thông tin
- [3]. Trần Ngọc Thêm (2001), Tìm về bản sắc văn hóa Việt nam, Nxb văn hóa thông tin, Hà nội.
- [4]. Trung tâm Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 1, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà nội

ĐOÀN CÁN BỘ CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ JICA-NHẬT BẢN ĐẾN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI TRƯỜNG



Ngày 10/11/2010, Ngài Kenzo Oshima, Phó chủ tịch Cơ quan HTQT JICA-Nhật Bản cùng các cán bộ cao cấp đã đến thăm và làm việc với Trường ĐHCNHN. Tiếp đón và làm việc có Hiệu trưởng, TS. Hoàng Văn Điện, Phó Hiệu trưởng - ông Hà Xuân Quang, bà Bùi Thị Ngân cùng Trường/Phó các phòng, khoa, trung tâm đào tạo, chuyên gia dự án JICA-HaUI.

Tại buổi làm việc, thay mặt Ban lãnh đạo, Hiệu trưởng cảm ơn sự hợp tác của Cơ quan HTQT Nhật Bản, Chính phủ và Nhân dân Nhật Bản, các chuyên gia đã giành cho Trường ĐHCNHN những tình cảm tốt đẹp và những hỗ trợ to lớn trong nhiều hoạt động của nhà trường, đặc biệt là dự án JICA. Ngài Kenzo Oshima cũng cảm ơn nhà trường đã dành sự đón tiếp nồng nhiệt cho đoàn. Ngài đánh giá cao thành công của Dự án JICA, hoạt động Robot của trường và trong thời gian tới, Nhật Bản sẽ tiếp tục cử các tình nguyện viên cao cấp sang hỗ trợ cùng nhóm chuyên gia JICA-HaUI.

Kết thúc buổi làm việc, đoàn đã thăm các phòng học, xưởng thực hành của Trung tâm Việt-Nhật đồng thời xem xét, hỗ trợ thêm máy móc, thiết bị để giúp Dự án JICA giai đoạn 2 của nhà trường ngày càng phát triển.